TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập –Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 04/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 03/4/2019
V/v "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN – TỈNH BẮC GIANG

*** Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Hà Giang
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Lâm Giang
Bà Nguyễn Thị Kim Oanh

***Thư ký phiên toà**: bà Dương Thị Hương, Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên toà**: bà Nguyễn Thị Nghĩa, Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Yên, Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 312/2018/TLST - HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2018 về việc tranh chấp "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2019/QĐST- HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: ông Giáp Văn T, sinh năm 1965 (có mặt)
Nơi cư trú: thôn L, xã Ng, huyện T, tỉnh Bắc Giang
2- Bị đơn: bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1964 (mất tích)
Nơi cư trú cuối cùng: thôn S, xã Ng, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 11 tháng 12 năm 2018, bản tự khai ngày 14 tháng 12 năm 2018 và biên bản ghi lời khai ngày 14 tháng 12 năm 2018, nguyên đơn - ông Giáp Văn T trình bày:

Ông kết hôn với bà Nguyễn Thị B ngày 09 tháng 7 năm 1982, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ng, huyện T, tỉnh Bắc Giang trên cơ sở tự nguyện và có được tìm hiểu trước khi kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại thôn L, xã Ng, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Ban đầu cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Tuy nhiên đến năm 1995, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống và làm ăn kinh tế, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát nên bà B đã tự ý bỏ đi khỏi địa phương từ tháng 3 năm 1995 cho đến nay, khi đi bà B không thông báo cho chính quyền địa phương, không cho ai biết tin tức, địa chỉ. Kể từ thời điểm đó bà B

không quay về địa phương, cũng không liên lạc gì với ông T và người thân. Hiện nay ông T không biết bà B đang ở đâu, làm gì, còn sống hay đã chết. Tháng 3 năm 2018, ông đã làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân Yên tuyên bố bà B mất tích và đã được Tòa án thụ lý, giải quyết bằng Quyết định giải quyết việc dân sự số 06/2018/QĐST-DS ngày 01/10/2018, tuyên bố bà B mất tích. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông xin ly hôn bà Nguyễn Thị B.

Về con chung: vợ chồng ông có 03 con chung, tuy nhiên các con chung đều đã trưởng thành và lập gia đình riêng nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà ông T giữ nguyên yêu cầu trên.

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án nhân dân huyện Tân Yên đã tiến hành thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Nguyễn Thị B để bà B thực hiện quyền, lợi ích hợp pháp của mình tại Toà án nhưng do bà B mất tích, cho đến nay vẫn không có thông tin gì từ phía bà B.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án theo đúng thẩm quyền, xác định mối quan hệ tranh chấp, những người tham gia tố tụng đúng, đủ; tiến hành thu thập chứng cứ, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hoà giải, tống đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng, chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của BLTTDS; HĐXX đảm bảo về thành phần, nguyên tắc xét xử; tại phiên toà HĐXX đã thực hiện đủ, đúng các quy định của BLTTDS về phiên tòa sơ thẩm; Thư ký chấp hành đúng quyền hạn, trách nhiệm theo quy định; Đương sự có ý thức chấp hành các quy định của BLTTDS. Về nội dung vụ án, sau khi phân tích Kiểm sát viên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông T, xử cho ông T được ly hôn bà B; Về con chung, tài sản chung, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian chung sống: các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết; Về án phí: ông T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, sau khi nghe ý kiến đề nghị của đương sự, Kiểm sát viên. Sau khi thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn là bà Nguyễn Thị B hiện mất tích, không có tin tức gì, có nơi cư trú cuối cùng tại thôn S, xã Ng, huyện T và đã được Tòa án nhân dân huyện Tân Yên tuyên bố mất tích tại Quyết định giải quyết việc dân sự số 06/2018/QĐST-DS ngày 01/10/2018. Nay ông T có đơn yêu cầu ly hôn bà B và được

Tòa án nhân dân huyện Tân Yên thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 39 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét về quan hệ hôn nhân và tình cảm vợ chồng: ông Giáp Văn T và bà Nguyễn Thị B kết hôn ngày 09/7/1982, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ng, huyện T trên cơ sở tự nguyện và có được tìm hiểu trước khi kết hôn là hôn nhân hợp pháp, phù hợp với quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống và làm ăn kinh tế, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát nên bà B đã bỏ đi khỏi địa phương từ tháng 3 năm 1995 cho đến nay không trở về địa phương, ông T và gia đình không có tin tức gì của bà B, không biết bà B đang làm gì, ở đâu, còn sống hay đã chết. Ông T đã làm đơn yêu cầu tuyên bố bà B mất tích và đã được Tòa án nhân dân huyện Tân Yên thụ lý và quyết định tuyên bố bà Nguyễn Thị B mất tích bằng quyết định giải quyết việc dân sự số 06/QĐST-DS ngày 01/10/2018. Tại phiên tòa ông T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn bà B. HĐXX thấy mục đích hôn nhân giữa ông T và bà B không đạt được nên cần áp dụng khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình để xử cho ông T được ly hôn bà B.

[3] Về con chung: ông T và bà B có 03 con chung, tuy nhiên các con chung đều đã trưởng thành và lập gia đình riêng, ông T không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Ông T không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: ông Giáp Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại điều 271 và khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 146, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: ông Giáp Văn T được ly hôn bà Nguyễn Thị B.

2. Án phí: ông Giáp Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số

AA/2016/0002242 ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Yên. Ông T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát Tân Yên;
- Chi cục T.H.A Tân Yên
- Đương sự;
- UBND xã Ngọc Lý
- Lưu hồ sơ;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Hà Giang

: